

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 25-5-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tòng.
2. Ông Lê Thanh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:
ông Trần Bảo Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/ TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 22/4/2024 và **Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2024/QĐST-DS ngày 18/5/2024**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: P, Hòa Hiệp T, Đ, Phú Yên (Có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1979; cùng trú tại: P, Hòa Hiệp B, Đ, Phú Yên (bà T1 có mặt, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Vì chỗ quan hệ họ hàng, bà H gọi ông Nguyễn Hữu K là cậu nên ngày 16/8/2020 dương lịch, bà (H) có mua của vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 một thửa đất với diện tích dựa 617,5m² đất tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên với giá 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Sau khi thoả thuận việc mua bán xong, vợ chồng ông K, bà T1 có

mượn bà thêm số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó gồm 50.000.000 đồng dùng để làm thủ tục sang tên chuyển nhượng, 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 20/8/2020 sẽ trả lại cho bà. Việc vay mượn tiền có viết giấy, vợ chồng ông K và bà T1 ký xác nhận.

Đến ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2020 dương lịch), bà Nguyễn Thị Huyền T1 trả cho bà 45.000.000 đồng (gồm 40.000.000 đồng trả cho khoản nợ 100.000.000 đồng; và 5.000.000 đồng tiền trả lại làm thủ tục sang tên) nên cả hai ghi lại tờ giấy nợ viết chữ màu đỏ còn nợ 60.000.000 đồng. Và phần tiền 50.000.000 đồng vợ chồng bà T1 hứa làm sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sang tên cho bà nhưng không làm được nên bà phải tự bỏ ra số tiền để làm thủ tục sang tên, sau đó bà T1 chỉ mới trả lại cho bà 5.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông K, bà T1 nợ bà tổng cộng 150.000.000 đồng, đã trả 45.000.000 đồng nên còn nợ bà số tiền 105.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 trả số nợ 60.000.000 đồng cho bà theo Giấy ngày 06/7/2020 âm lịch.

Bị đơn trình bày: Vợ chồng bà thực tế chỉ còn nợ bà Lê Thị Ngọc H số tiền 60.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8 dương lịch). Còn tờ giấy bà H đưa ra để kiện là bị bãi bỏ vì theo thỏa thuận giữa hai bên trước đó là sau khi sang tên sổ đỏ thì xóa nợ nên vợ chồng bà không còn nợ bà H nữa vì lý do thừa đất của vợ chồng tôi đã sang tên cho bà H xong.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải trả cho bà số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tính từ ngày mượn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 giữ nguyên lời trình bày, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì bị đơn đã hết nợ theo thỏa thuận bà H đã được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà H hứa đã xóa nợ số tiền 60.000.000 đồng cho bị đơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 60.000.000 đồng và trả lãi chậm trả tính từ đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 14/01/2021, Tòa án chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà để xem xét dấu hiệu hình sự. Ngày 19/12/2023, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H cung cấp Thông báo số 705/TB-CSHS của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ về kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm xác định: hành vi của bà Lê Thị Ngọc H không có dấu hiệu tội phạm. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, xét xử theo luật định.

[1.2] Nguyên đơn cung cấp 02 Giấy vay tiền do bị đơn ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Huyền T1 cùng ký tên và bị đơn đang cư trú tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Hữu K đã được triệu tập hợp lệ và ông K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H cung cấp 02 Giấy vay tiền đề ngày 16/8/2020 và ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2020 dương lịch); bị đơn cung cấp Giấy vay tiền đề ngày 06/7/2020 âm lịch.

[2.2] Giấy vay tiền đề ngày 24/8/2020 (nhằm ngày 06/7/2020 âm lịch) do bị đơn cung cấp trùng với Giấy vay tiền đề ngày 06/7/2020 âm lịch do nguyên đơn cung cấp, trùng về số tiền vay 60.000.000 đồng. Nội dung Giấy vay tiền đề ngày 06/7/2020 âm lịch do các bên cung cấp trùng nhau về nội dung và được bị đơn bà T1 xác nhận là chữ viết do bà T1 viết ra (cùng màu mực đỏ) và cùng có nội dung “Tờ giấy cũ thay cho tờ giấy này đã hứa”.

[2.3] Tại Thông báo số 705/TB-CSHS của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ xác định: “...không có tài liệu, chứng cứ khác thể hiện việc vay tiền, vàng giữa vợ chồng ông K, bà T1 với H, không có thể hiện số tiền gốc và tiền lãi cho vay”.

[2.4] Tại phiên tòa, bị đơn bà T1 thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng theo Giấy mượn đề ngày 06/7/2020 âm lịch nhưng được xóa nợ vì thừa đất mà bị đơn chuyển nhượng đã được sang tên cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không thừa nhận việc xóa nợ cho bị đơn.

[2.5] Việc xác nhận nợ ngày ngày 06/7/2020 âm lịch được bà T1 và bà H cùng xác nhận và Giấy xác nhận nợ do bị đơn cung cấp có cả chữ ký của ông

Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Huyền T1. Và bị đơn không có tài liệu gì chứng minh đã trả số tiền nợ này cho nguyên đơn.

[2.6] Nguyên đơn cung cấp 02 Giấy xác nhận nợ do bị đơn ký tên; bị đơn không cung cấp số tiền đã trả nợ cho nguyên đơn theo 02 Giấy xác nhận nợ này nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền còn lại 60.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu đòi bị đơn số tiền nợ 45.000.000 đồng từ tiền bị đơn cam kết sẽ lo thủ tục sang tên thừa đất cho nguyên đơn - Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên ghi nhận, Hội đồng xét xử không xét.

[2.7] Từ phân tích nêu trên, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận; căn cứ vào bản gốc Giấy vay tiền, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Về số tiền lãi: xét yêu cầu tính lãi tính theo mức lãi suất quy định pháp luật của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Hợp đồng vay tiền giữa bên không ghi mức và không thoả thuận mức lãi suất chậm trả.

[3.2] Giấy vay tiền đề ngày 16/8/2020 với số tiền 150.000.000 đồng, bị đơn cam kết hẹn đến ngày 20/8/2020 sẽ trả đủ nhưng không trả là đã vi phạm cam kết trả tiền vay kể từ sau ngày 20/8/2020; và Giấy vay tiền đề ngày 06/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2020) bị đơn ký xác nhận nợ tiền vay với số tiền 60.000.000 đồng. Như vậy, thời điểm xác định bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả được tính từ ngày 25/8/2020.

[3.3] Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử mức lãi suất xác định trong trường hợp các bên có tranh chấp về mức lãi suất là 10%/năm. Do đó, số tiền trả lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 22.500.000 đồng ($60.000.000đ \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm } 9 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 25/8/2020 đến ngày 25/5/2024)).

[4] Như vậy, ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải trả cho bà Lê Thị Ngọc H tổng cộng 82.500.000 đồng (gồm 60.000.000 đồng tiền gốc và 22.500.000 đồng tiền lãi chậm trả).

[5] Về án phí:

[5.1] Bị đơn ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.125.000 đồng.

[5.2] Hoàn trả án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” vì có căn cứ.

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải trả cho vợ chồng bà Lê Thị Ngọc H số tiền 82.500.000đ (*T2 mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

2. Về án phí:

2.1. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Huyền T1 cùng phải chịu 4.125.000đ (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Ngọc H 2.625.000đ (*Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007245 ngày 22 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Duyên